

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021
Kế hoạch đầu tư công năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 được thực hiện trong bối cảnh trong nước và tỉnh với những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen: Thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp đã tạo khí thế mới, tinh thần mới là nền tảng và động lực trong công cuộc thực hiện cụ thể hoá các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đảng đã đề ra trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và thực hiện Kế hoạch đầu tư công nói riêng. Tuy nhiên bên cạnh những yếu tố thuận lợi nói trên vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức đặc biệt với những diễn biến và tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh, tăng trưởng, phát triển kinh tế và đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Trong bối cảnh đó, việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2021 có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng, góp phần tạo năng lực sản xuất mới, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy còn một số khó khăn, vướng mắc nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sát sao đồng bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch đầu tư công năm 2021 đã đạt được một số kết quả tích cực, qua đó rút ra được một số bài học kinh nghiệm để xây dựng và triển khai tốt hơn Kế hoạch đầu tư công các năm tiếp theo góp phần thực hiện hoàn thành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

1. Về giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021

a) Tổng mức kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021

- Tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ giao là 2.589.428 triệu đồng, trong đó:

- + Vốn ngân sách địa phương là 853.630 triệu đồng;
- + Vốn ngân sách trung ương là 1.735.798 triệu đồng, bao gồm: Vốn trong nước là 1.556.626 triệu đồng; Vốn nước ngoài (ODA) là 179.172 triệu đồng.

- Tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh, tổng kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021 được HĐND tỉnh thông qua là 2.595.653 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách địa phương là 859.855 triệu đồng (cao hơn so với số Thủ tướng Chính phủ giao do dự kiến tăng nguồn thu sử dụng đất);

+ Vốn ngân sách trung ương là 1.735.798 triệu đồng, bao gồm: Vốn trong nước là 1.556.626 triệu đồng; Vốn nước ngoài (ODA) là 179.172 triệu đồng (bằng với số vốn Thủ tướng Chính phủ giao).

b) Về công tác giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021

- Tổng vốn đầu tư NSNN năm 2021 đã phân bổ chi tiết đến ngày 15/11/2021¹ là: 2.143.653/2.595.653 triệu đồng, bằng 82,6% số vốn HĐND tỉnh giao (tương đương với 82,8% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao), cụ thể:

+ Vốn ngân sách địa phương: Đã thực hiện phân bổ 720.855/859.855 triệu đồng, bằng 83,8% số vốn HĐND tỉnh giao (tương đương với 84,4% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

+ Vốn NSTW trong nước đã phân bổ chi tiết là 1.243.626/1.556.626 triệu đồng, bằng 79,9% số vốn HĐND tỉnh và Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Vốn nước ngoài (ODA): Đã thực hiện phân bổ 179.172 triệu đồng bằng 100% số vốn HĐND tỉnh và Thủ tướng Chính phủ giao.

- Tổng số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 452.000/2.595.653 triệu đồng, bằng 17,4% số vốn HĐND tỉnh giao (tương đương với 17,5% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Nguyên nhân chưa phân bổ chi tiết, do:

+ 139.000 triệu đồng Nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện: Dự kiến bố trí thu hồi vốn tạm ứng của Dự án Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Sẽ phân bổ theo số thu thực tế khi có nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện.

+ 313.000 triệu đồng Nguồn vốn ngân sách trung ương thuộc 02 Đề án: Đề án sắp xếp ổn định dân cư, phát triển KT-XH bảo đảm QPAN huyện Mường Nhé, Điện Biên giai đoạn 2016-2020 (113.000 triệu đồng) và Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La giai đoạn 2 (200.000 triệu đồng), do các Đề án chưa được giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ) nên chưa đủ điều kiện để phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2021.

c) Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021: Căn cứ tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn của các Chương trình, dự án, trong năm 2021 UBND tỉnh đã thực hiện 03 lần điều chỉnh kế hoạch vốn NSTW (gồm

¹ Tại các Quyết định: Số 1492/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2021; số 1779/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân bổ chi tiết và điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2021, tỉnh Điện Biên; số 2056/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân bổ chi tiết và điều chỉnh Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương (lần 2) năm 2021.

cả vốn trong nước và vốn nước ngoài)² và 01 lần điều chỉnh kế hoạch vốn NSDP³ để điều chuyển vốn từ những dự án hết nhu cầu sử dụng vốn và chậm giải ngân, vướng mắc thủ tục trong quá trình thực hiện sang những dự án có khả năng giải ngân nhanh, góp phần đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công theo các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về giải ngân vốn đầu tư công năm 2021

2.1. Lũy kế giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2021 **đến 24/11/2021** là 1.171.215/2.595.653 triệu đồng, **đạt 45,1%** kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao và **đạt 54,6%** so với kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết của tỉnh. Cụ thể như sau:

(1) Vốn ngân sách địa phương: là 545.896/859.855 triệu đồng, đạt 63,5% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao và đạt 75,7% so với kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết của tỉnh. Tiến độ giải ngân vốn ngân sách địa phương cơ bản đạt tiến độ đề ra (đạt 75,7% so với số vốn đã phân bổ chi tiết). Phần vốn chưa phân bổ chi tiết (139 tỷ đồng) dự kiến sẽ bố trí thu hồi vốn tạm ứng của Dự án Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên khi có nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện⁴.

(2) Vốn ngân sách trung ương: là 625.319/1.735.798 triệu đồng, đạt 36% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao và đạt 43,9% so với kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết của tỉnh. Trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương trong nước là 496.098 triệu đồng, đạt 31,9% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao và đạt 39,9% so với kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết của tỉnh.

- Vốn nước ngoài (ODA) là 129.221 triệu đồng, đạt 72,1% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

- Tiến độ giải ngân vốn NSTW còn thấp, chưa đạt yêu cầu đề ra do một số nguyên nhân chính như: (i) Số vốn chưa phân bổ chi tiết còn lớn (313.000 triệu đồng thuộc Đề án 666 và Đề án 79); (ii) Đề án Tái định cư thủy điện Sơn La có số vốn lớn (225.000 triệu đồng) đang bị dừng giải ngân; (iii) Các dự án khởi công mới như Đường động lực (kế hoạch 150.000 triệu đồng); Hồ Huổi Trạng

² Tại Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 và Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh Điện Biên; Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh Điện Biên (điều chỉnh vốn ODA).

³ Tại Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Điện Biên.

⁴ Có 19/25 đơn vị Chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn NSDP >60%, trong đó một số đơn vị đã có tỷ lệ giải ngân từ 90-100% như: Huyện Tuần Giáo (95,2%); Huyện Điện Biên Đông (100%); Huyện Mường Chà (91%); Huyện Nậm Pồ (94,5%); Huyện Mường Ảng (94%); Ban QLDA giao thông (100%); VP UBND tỉnh (95%); Sở Xây dựng (91,6%); Sở Lao động TBXH (99,9%); Sở Giáo dục ĐT (95,5%); Trường Cao đẳng Y tế (99,8%). Có 06/25 đơn vị Chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn NSDP <60%, cụ thể: Thị xã Mường Lay (32,9%); Huyện Tủa Chùa (40,6%); Ban QLDA dân dụng CN (54,8%); Sở Y tế (0%); Công an tỉnh (0%); Trường Cao đẳng Sư phạm (57,7%).

Tai (kế hoạch 135.148 triệu đồng)... mới được giao chi tiết kế hoạch năm 2021, đang triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu nên chưa thể giải ngân⁵

2.2. Ước giải ngân đến 31/01/2022: Ước giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2021 **đến 31/01/2022** là 2.302.653/2.595.653 triệu đồng, **đạt 88,7%** kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao, Cụ thể như sau:

(1) Vốn ngân sách địa phương: là 839.855/859.855 triệu đồng, đạt 97,7% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

(2) Vốn ngân sách trung ương: là 1.462.798/1.735.798 triệu đồng, đạt 84,3% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao. Trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương trong nước là 1.283.626 triệu đồng, đạt 82,5% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

- Vốn nước ngoài (ODA) là 179.172 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

(1) Đã trình xin ý kiến Ban Thường vụ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên làm cơ sở để phân bổ chi tiết số vốn còn lại của năm 2021 cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch.

(2) Kế hoạch đầu tư vốn NSĐP năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện phân cấp cho cấp huyện quản lý (30% vốn NSĐP) và được HĐND tỉnh giao tổng số vốn cho các huyện, thị xã, thành phố từ cuối năm 2020. Các địa phương đã chủ động lựa chọn danh mục, phân bổ và giao chi tiết cho từng dự án, tạo được sự chủ động, linh hoạt trong tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công của cấp huyện.

(3) Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch đầu tư công quyết liệt, cụ thể, giải pháp được ban hành kịp thời.

- Thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán và phân bổ NSĐP năm 2021, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 về việc ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và dự toán ngân sách năm 2021, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 06/8/2021 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh những tháng cuối năm 2021, Kế hoạch số 2756/KH-UBND ngày 24/8/2021 về thực hiện mục tiêu tăng trưởng

⁵ Có 07/21 đơn vị Chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn NSTW >60%, cụ thể: Huyện Tuần Giáo (91%); Huyện Điện Biên Đông (99,3%); Huyện Mường Nhé (65,1%); Huyện Mường Chà (86,4%); Huyện Mường Ảng (72,6%); Ban QLDA Dân dụng CN (74,3%); Sở Văn hóa TTDL (99,6%). Có 14/21 đơn vị Chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn NSTW <60%, trong đó một số đơn vị có tỷ lệ giải ngân dưới 10% như: Huyện Nậm Pồ (0%); Ban QLDA Nông nghiệp PTNT (4,5%); Chi cục PTNT (6,6%); Sở Giao thông vận tải (0%).

kinh tế của tỉnh Điện Biên năm 2021; xác định đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- UBND tỉnh cùng với các sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố đã tham dự 02 Hội nghị trực tuyến toàn quốc do Chính phủ tổ chức về đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và trực tiếp tổ chức 01 Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh về đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 để phân tích, làm rõ các nguyên nhân, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân để rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra các giải pháp hiệu quả, phù hợp; phân đấu hoàn thành mức cao nhất tỷ lệ giải ngân theo Nghị quyết số 63/NQ-CP của Chính phủ.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 về việc thành lập Tổ công tác thực hiện rà soát, kiểm tra, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh, phân công từng đồng chí Lãnh đạo Sở, ngành, Lãnh đạo các địa phương phụ trách, trực tiếp chỉ đạo triển khai, tháo gỡ khó khăn cho từng dự án.

(4) Một số công trình, dự án hoàn thành, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời tiếp tục đầu tư, khởi công mới các công trình, dự án quan trọng, trọng điểm có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Một số kết quả đạt được nổi bật như:

- Các công trình dự án trọng điểm, quan trọng của tỉnh như: Dự án Đường 60m, Hạ tầng khung, Dự án GPMB, xây dựng các điểm tái định cư thực hiện dự án mở rộng Cảng hàng không Điện Biên... được quan tâm, chỉ đạo sát sao và đã hoàn thành theo kế hoạch đề ra góp phần vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tạo động lực cho công tác kêu gọi thu hút đầu tư trên địa bàn...

- Lĩnh vực giao thông: Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành một số tuyến đường có tính kết nối vùng, có tác động lan tỏa tạo động lực phát triển kinh tế xã hội như Đường Na Sang - TT. xã Huổi Mí - Nậm Mực - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên. Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng dự án Mở rộng Cảng hàng không Điện Biên để bàn giao cho ACV sớm triển khai thực hiện dự án. Tuyến đường 60m hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng đã bị đình trệ từ nhiều năm để tiếp tục triển khai thi công và hoàn thành vào cuối năm 2021. Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện khởi công công Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên vào cuối năm 2021. Các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn các huyện, xã được đầu tư, nâng cấp góp phần nâng cao năng lực kết nối từ tỉnh đến huyện, từ huyện đến xã.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Hạ tầng thủy lợi tiếp tục được đầu tư xây dựng và nâng cấp theo hướng đa mục tiêu, cơ bản hoàn thành dự án Hồ chứa nước Ảng Cang góp phần nâng cao năng lực tưới tiêu và cấp nước cho khu vực huyện Mường Ảng; triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến cuối năm 2021 khởi công xây dựng hồ chứa nước Huổi Trạng Tai, huyện Điện Biên bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong khu vực. Các dự án

bảo vệ và phát triển rừng bền vững triển khai có hiệu quả, góp phần tăng tỷ lệ che phủ rừng của toàn tỉnh lên đạt 43%.

- Hạ tầng đô thị, nông thôn: Hạ tầng đô thị tiếp tục được đầu tư phát triển theo hướng hiện đại, trọng tâm là khu vực thành phố Điện Biên Phủ và các khu vực lân cận; đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng 03 điểm tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án giải phóng mặt bằng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên, góp phần ổn định đời sống người dân, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ. Hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, đặc biệt là các công trình hạ tầng phục vụ sắp xếp ổn định dân cư các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Hạ tầng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch... được quan tâm đầu tư: Cơ sở vật chất ngành giáo dục được đầu tư, nâng cấp cho tất cả các cấp học, đặc biệt là các vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn. Các công trình hạ tầng y tế đang thi công được đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành đưa vào hoạt động như Bệnh viện đa khoa huyện Nậm Pồ. Một số công trình văn hóa quy mô lớn, kiến trúc đẹp được hoàn thành như bức tranh Panorama thuộc Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ... góp phần thu hút khách du lịch đến với Điện Biên.

2. Một số tồn tại, hạn chế

(1) Tiến độ phân bổ, giao kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, chưa đạt yêu cầu đề ra.

Số vốn NSNN năm 2021 còn lại chưa phân bổ chiếm 17,4% kế hoạch vốn được Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công đến 24/11/2021 (đạt 45,1% so với KH vốn HĐND tỉnh giao và đạt 54,6% so với số vốn đã phân bổ chi tiết) chưa đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 63/NQ-CP và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Đây là khó khăn rất lớn đối với kế hoạch năm 2021 vì theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, thời gian giải ngân kế hoạch là 01 năm.

(2) Chất lượng lập kế hoạch và công tác chuẩn bị đầu tư, thủ tục cần thiết để giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021 cho các dự án tại một số đơn vị còn chưa tốt, thiếu chủ động dẫn đến một số dự án được giao kế hoạch nhưng vẫn chưa thể triển khai thi công, giải ngân, phải điều chỉnh kế hoạch vốn⁶.

(3) Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, trong đó vướng mắc về đơn giá, chế độ chính sách... đang là nút thắt lớn đối với việc triển khai thực hiện dự án. Việc tuyên truyền đến người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng có chỗ, có nơi còn chưa đầy đủ; gây tâm lý không tin tưởng trong người dân, dẫn tới người dân không di dời hoặc khiếu kiện vượt cấp để mong được hưởng thêm quyền lợi trong đền bù, giải phóng mặt bằng.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được

⁶ Dự án Giai đoạn II-Cải tạo nâng cấp Bệnh viện ĐK tỉnh giai đoạn 2 (từ 300 lên 500GB); Dự án Bảo tồn tôn tạo Khu trung tâm đề kháng Him Lam; Dự án Nhà khách tỉnh Điện Biên.

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tỉnh ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; sự chỉ đạo quyết liệt, nắm chắc tình hình của UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban ngành và địa phương; sự ủng hộ của doanh nghiệp, người dân trong việc thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước; những kết quả và kinh nghiệm có được từ thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nhất là kế hoạch đầu tư công năm 2020.

3.2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

a) Về khách quan:

- Nguyên nhân lớn nhất do dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, xuất hiện nhiều biến thể mới với tốc độ lây lan nhanh, việc khống chế khó khăn hơn dẫn đến phải áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống dịch quyết liệt hơn nhiều so với năm 2020, làm ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động đầu tư công nói riêng. Bên cạnh đó, giá các vật liệu xây dựng trên thị trường tăng mạnh, nhất là sắt, thép xây dựng, xi măng, cát, sỏi,... tác động trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công dự án.

- Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhiều nhiệm vụ, dự án khởi công mới chưa được giao kế hoạch chi tiết do phải chờ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được thông qua theo quy định. Đồng thời, năm 2021 cũng là năm tổ chức nhiều sự kiện trọng đại của đất nước và của tỉnh, việc kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp cũng tác động đến công tác chỉ đạo điều hành tại một số nơi.

- Một số bất cập trong cơ chế, chính sách thực hiện các Chương trình, Đề án (bao gồm nhiều dự án thành phần) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, như Đề án Tái định cư thủy điện Sơn La giai đoạn 1 và giai đoạn 2, Đề án 79... yêu cầu phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thực hiện sang giai đoạn 2021-2025 và chỉ được bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thuộc nhóm B, dẫn đến phải gộp các dự án thành phần gây khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện. Một số dự án liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đã trình Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa được xem xét chấp thuận. Nguồn vốn ODA trung ương chậm chuyển kinh phí cho tỉnh để triển khai thực hiện các dự án (đến hết tháng 9 chưa được trung ương chuyển nguồn).

b) Về chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công tại một số địa phương, đơn vị chưa sâu sát, quyết liệt. Trách nhiệm của người đứng đầu tại một số địa phương, đơn vị chưa cao, đặc biệt là trong việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công tại đơn vị.

- Năng lực lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tại một số đơn vị còn nhiều bất cập, chưa quyết liệt, chưa hiệu quả, cùng một mặt bằng pháp luật nhưng có nơi làm tốt, có nơi làm chưa tốt, dẫn tới tình trạng một số dự án chậm tiến độ, chậm giải ngân, chậm quyết toán...

- Sự phối hợp giữa các đơn vị được giao Chủ đầu tư với các cơ quan quản lý nhà nước và các địa phương có dự án đầu tư trên địa bàn có nơi, có lúc còn chưa được nhịp nhàng, hiệu quả nhất là trong việc hoàn thiện các thủ tục hồ sơ dự án, phối hợp GPMB.

- Công tác chuẩn bị đầu và tổ chức triển khai thực hiện dự án tại một số chủ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng và xử lý vướng mắc của dự án liên quan đến các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; chất lượng hồ sơ dự án do một số đơn vị tư vấn lập còn chưa đảm bảo, chủ đầu tư thiếu kiểm tra, kiểm soát dẫn đến dự án phải điều chỉnh nhiều lần.

- Đối với công tác giải ngân vốn, một số chủ đầu tư chưa tích cực thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán; năng lực chuyên môn của một số cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu... còn nhiều bất cập, không đáp ứng được yêu cầu; công tác đôn đốc nhà thầu triển khai thi công chưa quyết liệt và hiệu quả.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại, nguyên nhân nêu trên, có thể rút ra được 03 bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, trong công tác xây dựng và phân bổ kế hoạch vốn phải bám sát vào mục tiêu, định hướng đầu tư công; phù hợp với nhu cầu và khả năng thực hiện của các đơn vị; chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch đầu tư cho sát với tình hình thực tế để đạt hiệu quả cao nhất.

Hai là, trong công tác chuẩn bị đầu tư cần nâng cao chất lượng hồ sơ dự án, chủ động hoàn thiện các thủ tục cần thiết để có thể sẵn sàng triển khai dự án được ngay sau khi giao kế hoạch vốn. Tăng cường, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết các thủ tục hành chính để có thể rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư dự án.

Ba là, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công phải sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện và tăng cường công tác phối hợp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; thường xuyên nắm bắt tình hình triển khai thực hiện để kịp thời có những giải pháp cụ thể tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các đơn vị thực hiện kế hoạch đầu tư công.

PHẦN THỨ HAI:

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

I. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ CÔNG TRONG NĂM 2022

1. Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm để vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực sản xuất của nền kinh tế, tăng cường kết nối liên vùng, khu vực, thúc đẩy tăng trưởng; nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng như Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực

dọc trục QL 279 và QL 12, các dự án hạ tầng số, các cơ sở dữ liệu quan trọng; phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa nước. Hoàn thành xây dựng quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng cơ sở y tế, giáo dục, an sinh xã hội cho nhân dân. Chuẩn bị các thủ tục sớm triển khai một số dự án trùng tu, tôn tạo các điểm di tích lịch sử để chuẩn bị hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân trên 90% trong năm 2022.

2. Định hướng đầu tư công năm 2022

Tập trung hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025, khởi công mới dự án trọng điểm liên vùng tạo sự lan tỏa, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông từ tỉnh đến huyện, các dự án y tế, giáo dục đào tạo, các công trình dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở đô thị và nông thôn; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ quan quản lý nhà nước...

Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Việc huy động, quản lý và sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải gắn với việc cơ cấu lại đầu tư công. Tập trung cho các dự án chuyển tiếp, giảm tối đa thời gian bố trí vốn; gia hạn Hiệp định vay.

II. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VÀ CÂN ĐỐI CÁC NGUỒN VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022

1. Nguồn vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh Điện Biên được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến là 2.079.626 triệu đồng, giảm 19,69% so với kế hoạch vốn năm 2021 và bằng 17,08% kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó:

a) Vốn đầu tư trong cân đối NSDP là 822.730 triệu đồng; giảm 3,62% so với kế hoạch vốn năm 2021 và bằng 17,97% kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

b) Vốn ngân sách Trung ương là 1.256.896 triệu đồng, giảm 27,59% so với kế hoạch vốn năm 2021 và bằng 16,55% kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, bao gồm:

- Vốn trong nước là 1.172.376 triệu đồng, giảm 24,68% so với kế hoạch vốn năm 2021 và bằng 17,27% kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Vốn nước ngoài là 84.520 triệu đồng, giảm 52,83% so với kế hoạch vốn năm 2021 và bằng 10,50% kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2. Nguồn thu từ các dự án đấu giá đất

- Trong năm 2022 triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển các khu đô thị để tạo nguồn thu từ đất đai (theo Kế hoạch số 2109/KH-UBND ngày 08/7/2021) bố trí cho các dự án trọng điểm của tỉnh như Dự án Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Dự kiến chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất năm 2022 là 1.047.200 triệu đồng, trong đó thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện đưa vào ngân sách cấp tỉnh được hưởng là 775.000 triệu đồng.

III. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

1. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2022

Việc phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2022 phải bảo đảm thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022 với định hướng cơ cấu lại đầu tư công đến năm 2025.

b) Thực hiện các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022. Việc phân bổ vốn bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh.

c) Phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực đầu tư công và khả năng giải ngân thực tế; bố trí vốn tập trung, tránh dàn trải, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư trong đó tập trung đầu tư cho các dự án trọng điểm, ưu tiên cho các dự án chuyển tiếp có khả năng giải ngân để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, đưa vào sử dụng.

2. Thứ tự ưu tiên các dự án bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2022

Danh mục dự án, bố trí vốn theo nguyên tắc nêu trên và thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Danh mục nhiệm vụ, dự án bố trí vốn NSNN năm 2022 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh giao; đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công;

(2) Bố trí đủ vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có).

(3) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2022;

(4) Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 đến nay đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định;

(5) Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2022 theo thời gian bố trí vốn;

(6) Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí đủ các khoản trả nợ đến hạn của năm 2022 thuộc nghĩa vụ NSDP.

(7) Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; trong đó phần đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án so

với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

(8) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới.

(9) Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2021 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2021 của dự án; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2022.

- Đối với vốn nước ngoài: Thực hiện theo nguyên tắc sau

+ Các chương trình, dự án được bố trí kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ năm 2022 theo thứ tự ưu tiên: (i) dự án đủ thủ tục đầu tư kết thúc Hiệp định trong năm 2022 không có khả năng gia hạn Hiệp định, chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2022; (ii) dự án khởi công mới đã ký Hiệp định hoặc dự kiến ký Hiệp định đến ngày 31/12/2021 và có khả năng giải ngân trong năm 2022.

+ Bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, năng lực của chủ đầu tư dự án và tiến độ thực hiện dự án.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NSNN NĂM 2022

Căn cứ số vốn thông báo dự kiến năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 31/10/2021, ước thực hiện cả năm 2021 và khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án trong năm 2022, dự kiến xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022 như sau:

Tổng nguồn vốn dự kiến phân bổ năm 2022 là **2.754.626 triệu đồng**, trong đó vốn ngân sách địa phương là 1.497.730 triệu đồng, vốn ngân sách trung ương là 1.256.896 triệu đồng (chưa bao gồm vốn các chương trình mục tiêu quốc gia), cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương

Tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2022 là **1.497.730 triệu đồng** (cao hơn số Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo 675.000 triệu đồng do dự kiến tăng nguồn thu từ sử dụng đất), trong đó:

a) Nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện: 775.000 triệu đồng: Bố trí cho Dự án Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (bố trí theo số thu thực tế khi có nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện).

b) Vốn đầu tư trong cân đối NSDP: 722.730 triệu đồng, bao gồm: Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối NSDP theo chỉ định mức 662.530 triệu đồng; Vốn xổ số kiến thiết 36.000 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP 24.200 triệu đồng. Phân bổ cụ thể như sau:

(1) Phân bổ cho ngân sách cấp huyện quản lý, sử dụng (phần 30% phân cấp cho 10 huyện, thị xã, thành phố): 198.759 triệu đồng.

(2) Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý: 487.971 triệu đồng (bao gồm, Phần 70% cấp tỉnh quản lý: 463.771 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP: 24.200 triệu đồng), phương án phân bổ cụ thể như sau:

- Bố trí đủ thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW là 16.880 triệu đồng.
- Bố trí đủ vốn 27.574 triệu đồng cho 04 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2022.
- Bố trí đủ vốn 148.735 triệu đồng cho 11 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022 theo thời gian bố trí vốn (bao gồm cả các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định).
- Bố trí 2.000 triệu đồng cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư 10 dự án; Bố trí 500 triệu đồng cho 01 nhiệm vụ quy hoạch di tích; Bố trí Vay mới, trả phí vay, lãi vay: 40.900 triệu đồng (trong đó: Bội chi NSDP 24.200 triệu đồng). Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA: 22.655 triệu đồng cho 03 dự án.
- Bố trí 117.000 triệu đồng cho 18 dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành sau năm 2022).
- Bố trí 111.727 triệu đồng cho 31 dự án khởi công mới.

(3) Vốn xổ số kiến thiết 36.000 triệu đồng, phương án phân bổ cụ thể như sau:

- Lĩnh vực Giáo dục đào tạo – nghề nghiệp 16.937 triệu đồng: Bố trí cho 01 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2022 (880 triệu đồng); 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022 (3.967 triệu đồng); 03 dự án chuẩn bị đầu tư (4.090 triệu đồng) và 03 dự án khởi công mới (8.000 triệu đồng).
- Lĩnh vực Y tế 15.463 triệu đồng: Bố trí cho 01 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2022 (813 triệu đồng); 04 dự án chuẩn bị đầu tư (550 triệu đồng) và 07 dự án khởi công mới (14.100 triệu đồng).
- + Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới 3.600 triệu đồng (10% vốn XSKT).

(Chi tiết như Biểu số 2 kèm theo)

2. Vốn ngân sách trung ương: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2022 là **1.256.896 triệu đồng**, trong đó:

- a) Vốn NSTW trong nước: 1.172.376 triệu đồng, phân bổ cụ thể như sau:
 - Bố trí đủ vốn 147.781 triệu đồng cho 08 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022 theo thời gian bố trí vốn (bao gồm cả các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định).
 - Bố trí 5.000 triệu đồng cho 04 dự án chuẩn bị đầu tư; Bố trí 44.700 triệu đồng cho 01 nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh; Bố trí 139.784 triệu đồng vốn đối ứng ODA cho 02 dự án.

- Bố trí 654.611 triệu đồng cho 15 dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành sau năm 2022). Trong đó, bao gồm 300.000 triệu đồng bố trí cho 01 dự án trọng điểm, liên vùng bằng với số vốn thông báo của BKHDĐT (dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên).

- Bố trí 180.500 triệu đồng cho 11 dự án khởi công mới.

(Chi tiết như Biểu số 3 kèm theo)

b) Vốn nước ngoài: 84.520 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí 64.520 triệu đồng cho 01 dự án hoàn thành năm 2022.

- Bố trí 20.000 triệu đồng cho 01 dự án khởi công mới năm 2022.

(Chi tiết như Biểu số 4 kèm theo)

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

1. Tập trung huy động các nguồn lực từ nguồn thu sử dụng đất và đầu giá đất tại các vị trí đất có lợi thế về thương mại trên địa bàn tỉnh (các dự án đầu tư phát triển các khu đô thị trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ) để thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên nguồn lực để bố trí cho dự án Giải phóng mặt bằng Cảng hàng không Điện Biên.

2. Triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

Khẩn trương phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch. Chủ động có kế hoạch và giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng, đấu thầu,... đẩy nhanh tiến độ thi công dự án. Thực hiện các thủ tục thanh toán vốn đầu tư cho dự án trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu theo quy định. Đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán, giải ngân vốn cho các nhà thầu theo hợp đồng. Các Sở, ban ngành và địa phương thực hiện phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, lập kế hoạch giải ngân của từng dự án, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án. Kết quả giải ngân của từng dự án được phân công theo dõi là căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.

3. Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định.

Các Sở, ban ngành và các huyện, thị xã, thành phố chú trọng công tác lập kế hoạch, chỉ bố trí vốn cho dự án đã có thủ tục đầu tư theo quy định; chủ động bố trí vốn, thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới; chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc việc công khai thông tin trong đấu thầu theo đúng quy định tại Luật Đấu thầu; Nghiêm túc thực hiện lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng; xây dựng hồ sơ mời thầu chất lượng, bảo đảm không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo

lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không được đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

4. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm để vừa nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế, tăng cường kết nối liên vùng, khu vực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng; nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng, phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa nước...

5. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công; chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Trong đó, đặc biệt đề cao vai trò tham gia giám sát của cộng đồng dân cư trong các vùng ảnh hưởng của dự án, nâng cao trách nhiệm giải trình của chủ đầu tư và các bên liên quan đến dự án. Xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

VI. DỰ KIẾN CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 góp phần thực hiện các quan điểm, mục tiêu, đột phá và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh Điện Biên. Tập trung bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các Chương trình, dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế của tỉnh. Tiếp tục khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, tránh lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Dự kiến một số kết quả đạt được theo ngành, lĩnh vực như sau:

(1) Quốc phòng: Bố trí vốn triển khai thực hiện một số dự án như: Trận địa phòng không và các hạng mục hỗ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên; Rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Đường ra biên giới: Đường ra biên giới Mường Nhà - Pha Lay - Mốc 130 kết hợp Kè bảo vệ chân Mốc 130, huyện Điện Biên..., góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

(2) Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất cho các trường học thuộc tất cả các cấp từ giáo dục phổ thông đến giáo dục nghề nghiệp, để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, một trong 03 đột phá chiến lược theo tinh thần Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

(3) Y tế, dân số và gia đình: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất ngành y tế từ tuyến huyện, xã đến tuyến tỉnh, như dự án: Giai đoạn II - Cải tạo nâng cấp BVĐK tỉnh giai đoạn II (từ 300 lên 500 GB); Bệnh viện đa khoa huyện Nậm Pồ - Giai đoạn II..., góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu

chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe ngày càng cao của nhân dân; đặc biệt là nhân dân các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số.

(4) Văn hóa, thông tin: Tiếp tục đầu tư dự án Bảo tồn tôn tạo khu trung tâm đền kháng Him Lam để sớm hoàn thành công trình và chuẩn bị đầu tư dự án Bảo tàng tỉnh sẽ là điểm thăm quan thu hút khách du lịch khi đến với Điện Biên. Khởi công mới một số dự án trung tu, tôn tạo các điểm di tích lịch sử để chuẩn bị hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

(5) Bảo vệ môi trường: Triển khai thực hiện dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên nhằm quản lý tổng hợp lưu vực sông Nậm Rốm, giảm thiểu tác động, thích ứng với biến đổi khí hậu.

(6) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Hoàn thành Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ góp phần nâng cao năng lực phục vụ sản xuất; Xây dựng hồ chứa nước Huổi Trạng Tai, huyện Điện Biên bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong khu vực.

(7) Giao thông: Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh. Đầu tư Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên góp phần nâng cao năng lực kết nối, vận tải khu vực thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên.

(8) Công nghệ thông tin: Triển khai đầu tư một số dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, bảo mật an toàn dữ liệu, xây dựng đô thị thông minh góp phần từng bước xây dựng chính quyền điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số.

(9) Quản lý nhà nước: Đầu tư trụ sở một số cơ quan quản lý nhà nước như Trụ sở HĐND, UBND cho huyện Nậm Pồ; Trụ sở một số xã... bảo đảm chất lượng khang trang, hiện đại để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.

VII. MỘT SỐ NỘI DUNG BÁO CÁO, XIN Ý KIẾN HĐND TỈNH

1. Phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025

Tại thời điểm UBND tổng hợp trình HĐND phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, còn 05 công trình dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, do đó chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, do đó tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, phần vốn dự kiến bố trí cho 05 dự án này là 83.100 triệu đồng.

Đến nay 02 Dự án: (1) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án tại các Quyết định số 2060/QĐ-UBND

ngày 16/11/2021 và Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; (2) Dự án Số hoá tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định 3152/QĐ-UBND ngày 02/12/2021. Do vậy 02 dự án nêu trên đã đủ điều kiện để phân bổ tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP. UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung vốn NSDP giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

(1) Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 giao: 22.460 triệu đồng.

(2) Dự án Số hoá tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên.

- Kế hoạch vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 giao: 17.000 triệu đồng.

2. Về chi phí dự phòng 10%: Theo quy định tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh, hàng năm sẽ thực hiện trích 10% chưa phân bổ để xử lý cho các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, năm 2022 theo số dự kiến được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 thì dự kiến hoạch đầu tư công năm 2022 của tỉnh Điện Biên là 2.079.626 triệu đồng, giảm 19,69% so với kế hoạch vốn năm 2021. Mặt khác năm 2022, việc bố trí vốn cho các công trình, dự án chủ yếu tập trung bố trí theo thứ tự ưu tiên: Các dự án nợ đọng, các dự án đã bố trí quá thời gian quy định chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025, bố trí cho các dự án chuyển tiếp theo quy định, bố trí vốn đối ứng, trả lãi vay theo quy định... Do vậy, nhằm đảm bảo nguồn vốn để tổ chức triển khai thực hiện các dự án ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh không thực hiện trích 10% dự phòng để lại chưa phân bổ, mà thực hiện phân bổ 100% vốn được giao năm 2022, trong quá trình triển khai thực hiện, tùy điều kiện cụ thể UBND tỉnh sẽ phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh xem xét xử lý những vấn đề phát sinh theo quy định.

3. Về một số nội dung thay đổi so với Nghị quyết của HĐND tỉnh:

Theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND tỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 của các công trình, dự án được dự kiến phân bổ chi tiết đến từng năm, theo đó: (1) Một số công trình dự án được dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022, một số công trình dự án dự kiến bố trí vốn trong các năm 2023, 2024. Tuy nhiên xuất phát từ thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện một số công trình dự án do nhiều nguyên nhân khác nhau đến thời điểm hiện tại chưa hoàn thiện các hồ sơ thủ tục (chưa được phê duyệt dự án, công trình) do vậy đối với các công trình dự án này chưa đảm bảo điều kiện để bố trí vốn năm 2022. (2) Mặt khác một số công trình dự án dự kiến bố trí vốn các năm 2023, 2024 đến nay đã đủ điều kiện để bố trí vốn năm 2022; một số công trình, dự án thực hiện lồng ghép giữa vốn do cấp tỉnh quản lý và vốn cấp huyện quản lý cần phải thực hiện bố trí vốn năm 2022 để tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo thời gian bố trí vốn cho các công trình, dự án nhóm B là 4 năm, nhóm C là 3 năm; bên cạnh đó một số dự án có tính đặc thù như các dự án về công nghệ việc bố trí vốn cần phải

thực hiện tập trung... Từ các lý do nêu trên dẫn đến trong phương án phân bổ vốn dự kiến trình HĐND tỉnh có sự sai khai so với Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021, song về nguyên tắc các dự án phải đảm bảo thời gian bố trí vốn theo đúng quy định của Luật đầu tư công, cụ thể:

Trong phương án trình HĐND tỉnh phê duyệt Kế hoạch vốn năm 2022:

- 22 dự án dự kiến bố trí vốn năm 2022 cao hơn so với Nghị quyết của HĐND với số vốn cao hơn là 53.733 triệu đồng, trong đó: 10 dự án được lồng ghép vốn do cấp huyện quản lý với số vốn cao hơn là 28.467 triệu đồng.

- 15 dự án dự kiến bố trí vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022 với số vốn là 2.750 triệu đồng.

4. Đối với số vốn được tạo ra từ đấu giá đất: Phần kinh phí dự kiến 775.000 triệu đồng dự kiến được tạo ra từ nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện đang dự kiến bố trí cho dự án GPMB Cảng hàng không Điện Biên. Đối với số vốn này tùy điều kiện thực tế địa phương, trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ điều kiện cụ thể nguồn kinh phí, UBND tỉnh sẽ tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện phân bổ cho các dự án theo quy định, do đó tạm thời UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh chấp thuận theo số dự kiến, chưa thực hiện phân bổ chi tiết.

5. Về kéo dài kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2021 sang năm 2022

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện và giải ngân theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31/01/2022. *Trường hợp bất khả kháng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.*

Với tiến độ giải ngân vốn NSDP đến tháng 10 năm 2021 mới chỉ đạt 62,96%, trong đó số vốn còn lại chưa giải ngân phần lớn thuộc các dự án Xây dựng điểm Tái định cư số 01 và 03 thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên. Mặc dù đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn NSDP năm 2021 của 02 dự án trên, tuy nhiên theo Báo cáo của đơn vị chủ đầu tư ước giải ngân đến 31/01/2022 chỉ đạt 89-93% kế hoạch vốn do việc giải ngân số vốn còn lại liên quan đến các thủ tục nghiệm thu, kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành. Mặt khác, đến thời điểm hiện tại việc điều chỉnh kế hoạch vốn NSDP năm 2021 là không khả thi (đã quá ngày 15 tháng 11, theo quy định tại khoản 3, điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP). Qua phân tích các khó khăn, vướng mắc, dự báo khả năng giải ngân vốn NSDP năm 2021 nêu trên, để bảo đảm nguồn lực đầu tư thực hiện dự án đề nghị HĐND tỉnh xem xét:

- Giao UBND tỉnh xác định số vốn NSDP còn lại chưa giải ngân của các chủ đầu tư đến ngày 31/01/2022, báo cáo HĐND tỉnh xem xét quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công và khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- HĐND tỉnh;
- L/đ UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; Tài chính;
- Lưu: VT, TH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

Biểu số 01

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VÀ
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: 396 /BC-UBND ngày 03 /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tại QĐ 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020	Kế hoạch HĐND tỉnh giao tại NQ 191/NQ-HĐND 08/12/2020	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 24/11/2021	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến 31/01/2022		
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	2.589.428	2.595.653	1.171.215	2.302.653	2.754.626	
I	Vốn Ngân sách địa phương	853.630	859.855	545.896	839.855	1.497.730	
1	Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSDP theo tiêu chí, định mức	662.530	662.530			662.530	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	160.000	166.225			775.000	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý (theo NQ 34/2016/NQ-HĐND)		27.225				
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện (theo NQ 26/2020/NQ-HĐND)		139.000			775.000	Bổ trí cho dự án GPMB Cảng hàng không Điện Biên (phân bổ khi có nguồn kinh phí được tạo ra từ việc đấu giá đất)
3	Xổ số kiến thiết	30.000	30.000			36.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	1.100	1.100			24.200	
II	Vốn ngân sách trung ương	1.735.798	1.735.798	625.319	1.462.798	1.256.896	
1	Vốn trong nước	1.556.626	1.556.626	496.098	1.283.626	1.172.376	

STT	Nguồn vốn	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tại QĐ 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020	Kế hoạch HĐND tỉnh giao tại NQ 191/NQ-HĐND 08/12/2020	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 24/11/2021	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến 31/01/2022		
2	Vốn nước ngoài	179.172	179.172	129.221	179.172	84.520	

21
Biểu số 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số: 396 /BC-UBND ngày 03 /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
A	TỔNG SỐ											1.497.730			
I	Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSDP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg), trong đó:											662.530			
1	Phân bổ cho cấp tỉnh quản lý (phần 70%)											463.771			
2	Phân bổ cho cấp huyện quản lý (phần 30%)											198.759			
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất											775.000			Thu từ sử dụng đất 1.047.200 triệu đồng. Trong đó: Đưa vào chi đầu tư cấp tỉnh quản lý 775.000 triệu đồng; còn lại chi Quỹ phát triển đất và phân chia theo tỷ lệ cho cấp huyện được hưởng
1	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý (theo NQ 34/2016/NQ-HĐND)														
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện (theo NQ 26/2020/NQ-HĐND)											775.000			Bổ trí cho dự án GPMB Cảng hàng không Điện Biên (phân bổ khi có nguồn kinh phí được tạo ra từ việc đấu giá đất)
III	Vốn xổ số kiến thiết											36.000			
IV	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP											24.200			
B	PHÂN BỐ CHI TIẾT											722.730			Không bao gồm 775.000 triệu đồng từ nguồn thu đầu giá đất
I	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý							1.008.369	7.000		178.883	198.759			
1	Thành phố Điện Biên Phủ							106.921			18.968	21.075			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
2	Huyện Điện Biên							130.113			23.082	25.646			
3	Huyện Tuần Giáo							125.336			22.234	24.705			
4	Huyện Điện Biên Đông							109.687			19.458	21.620			
5	Huyện Mường Ảng							82.506	7.000		14.636	16.263			
6	Huyện Mường Nhé							107.140			19.007	21.118			
7	Huyện Mường Chà							103.085			18.287	20.319			
8	Huyện Tủa Chùa							93.875			16.653	18.504			
9	Huyện Nậm Pồ							115.441			20.479	22.754			
10	Thị xã Mường Lay							34.265			6.079	6.754			
II	NSDP cấp tỉnh quản lý					6.904.708	2.271.924	1.811.788			251.686	487.971			
II.1	Vay mới, trả phí vay, lãi vay							95.200			30.032	40.900			
-	Trong đó: Bội chi NSDP											24.200			
II.2	Đối ứng các dự án ODA					1.514.321	210.899	168.278			7.673	22.655			
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên				802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	152.190			5.000	19.000			
2	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (vốn WB)_Tiểu hợp phần 1: Cấp nước cho cộng đồng dân cư				1039/QĐ-UBND 10/8/2016	154.656	15.466	655				655			
3	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên				6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433			2.673	3.000			
II.3	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW							16.880				16.880			
1	Dự án trung tâm cụm xã							11.865				11.865			
2	Trung tâm giống thủy sản cấp I							227				227			
3	Đường Rạng Đông - Ta Ma							80				80			
4	Dự án giảm nghèo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2010-2015							1.222				1.222			
5	Nhà máy nước Điện Biên Đông, huyện ĐBĐ							902				902			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số vốn NSDP	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
6	Dự án đầu tư di chuyển các bản Hua Mực 1, Hua Mực 2, Pu Si 2 đến TĐC tại bản Hua Mửa 2 và các bản Nậm Bay, Pa Cá đến định cư tại Phiêng Xanh - Mùn Chung huyện Tuần Giáo							2.500				2.500			
7	Đường Quảng Lâm - Na Cô Sa							84				84			
II.4	Các dự án trọng điểm					2.110.000	696.000	547.849			183.981	42.868			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					810.000	376.000	227.849			183.981	18.868			
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên				1084/QĐ-UBND 29/10/2019	260.000	260.000	167.849			135.849	7.000			TT dứt điểm
2	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Túu)				1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 1052/QĐ-UBND 09/6/2021	550.000	116.000	60.000			48.132	11.868			TT dứt điểm
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					1.300.000	320.000	320.000				24.000			
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên				984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	320.000				24.000			
II.5	Phân theo ngành/lĩnh vực					3.280.387	1.365.025	983.581			30.000	364.668			
1	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng					112.951	77.951	67.194			3.800	26.794			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					46.351	11.351	794				794			
1	Đường ra biên giới Na Cô Sa - Mốc A6				1043/QĐ-UBND 10/10/2011	46.351	11.351	794				794			TT dứt điểm sau QT
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					14.600	14.600	14.400			3.000	10.000			
1	Kè chống sạt doanh trại đBB1/Bộ CHQS tỉnh Điện Biên				1117/QĐ-UBND 29/10/2020	14.600	14.600	14.400			3.000	10.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					52.000	52.000	52.000			800	16.000			
1	Sửa chữa nhà khách; nhà ở, làm việc Chỉ huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh				3039/QĐ-UBND 23/11/2021	5.000	5.000	5.000			400	3.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
2	Trận địa phòng không và các hạng mục hỗ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên				642/QĐ-UBND 23/11/2021	8.000	8.000	8.000			400	4.000			
3	Kho tang chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh				2062/QĐ-UBND 15/11/2021	4.000	4.000	4.000				1.000			
4	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên				2045/QĐ-UBND 11/11/2021	35.000	35.000	35.000				8.000			
2	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội					7.000	7.000	7.000			400	4.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					7.000	7.000	7.000			400	4.000			
1	Nhà làm việc câu lưu phòng quản lý xuất nhập cảnh				2061/QĐ-UBND 16/11/2021	7.000	7.000	7.000			400	4.000			
3	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp					319.500	245.392	153.903				58.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					277.100	202.992	111.803				50.000			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh				835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	13.200				6.000			
2	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ				1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	16.000				6.000			
3	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP				633/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	13.312				5.000			LG NSDP TP
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP				576/QĐ-UBND 19/4/2021	13.000	11.500	11.300				5.000			LG NSDP TP
5	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP				597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	10.800				5.000			LG NSDP TP
6	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP				616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	12.300				5.000			LG NSDP TP
7	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sín xã Leng Su Sín				1515/QĐ-UBND 31/12/2020; 434/QĐ-UBND 31/3/2021	17.990	11.990	11.790				8.000			LG NSDP huyện
8	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ				1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	11.800				5.000			LG NSDP huyện

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
9	Trường Trung học cơ sở huyện Nậm Pồ				1117/QĐ-UBND 24/6/2021	18.000	11.501	11.301				5.000			LG NSDP huyện
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					42.400	42.400	42.100				8.000			
1	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên				1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	7.700				2.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, huyện Điện Biên				1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	10.100				2.000			
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa				3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	9.800				2.000			
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 2 Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ				3069/QĐ-UBND 29/11/2021	14.500	14.500	14.500				2.000			
4	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ					10.000	10.000	9.800				4.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					10.000	10.000	9.800				4.000			
1	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				3011/QĐ-UBND 19/11/2021	10.000	10.000	9.800				4.000			
5	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình					40.850	40.850	34.550				17.300			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					14.850	14.850	9.550				7.700			
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CĐ Y tế Điện Biên				1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	9.550				7.700			TT dứt điểm
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					26.000	26.000	25.000				9.600			
1	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo				1420/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800				2.000			
2	Sửa chữa TTYT huyện Tủa Chùa				1421/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800				2.000			
3	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà				1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	9.800				2.000			
4	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Nà Bùng huyện Nậm Pồ				1423/QĐ-UBND 16/12/2020	2.000	2.000	1.800				1.800			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
5	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Quảng Lâm huyện Mường Nhé				1425/QĐ-UBND 16/12/2020	2.000	2.000	1.800				1.800			
6	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin					240.680	59.119	37.688			3.400	15.188			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					220.680	39.119	17.688			3.000	14.688			
1	Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh DB				903/QĐ-UBND 8/9/2011, 280/QĐ-UBND 10/3/2021	220.680	39.119	17.688			3.000	14.688			TT dứt điểm
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					20.000	20.000	20.000			400	500			
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình; diêm di tích nhằm phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ					20.000	20.000	20.000			400	500			
7	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn					16.900	10.000	10.000				10.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					16.900	10.000	10.000				10.000			
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh				3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	10.000				10.000			
8	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao														
9	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường														
10	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế					2.081.113	594.465	348.528			19.400	188.516			
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					750.816	330.616	133.228			15.000	98.728			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					477.800	230.500	107.228			15.000	92.228			
1	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)				1119/QĐ-UBND 30/10/2019	60.000	60.000	46.174			8.000	38.174			TT dứt điểm
2	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên				1003/QĐ-UBND 03/8/2016, 37/QĐ-UBND 10/01/2018	62.500	50.500	29.500				29.500			TT dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó:	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB							Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18			
3	Hồ chứa nước Ảng Càng				1487/QĐ-UB 17/03/2011 06/12//2007 '249/QĐ-UB	355.300	120.000	31.554			7.000	24.554			TT dứt điểm			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					273.016	100.116	26.000				6.500						
1	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)				1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000				6.500						
10.2	Công nghiệp																	
10.3	Giao thông					1.108.695	76.769	77.461				51.661						
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					967.695	10.500	12.092				12.092						
1	Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), huyện Mường Ảng				702/QĐ-UBND 27/7/2011; 413/QĐ-UBND 04/6/2014	105.000	10.500	9.773				9.773			Bổ trí phần vốn NSTW bị thu hồi			
2	Dự án đường Mường Lay - Nậm Nhùn (giai đoạn 1)				148/QĐ-UBND 04/2/2007	862.695		2.319				2.319			Bổ trí vốn thiếu sau quyết toán			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					33.100	13.769	13.569				13.569						
1	Đường từ bản Co Đũa – TT xã Mường Khong				1334/QĐ-UBND 9/12/2020	7.500	2.969	2.969				2.969						
2	Đường từ bản Hồng Lực, xã Nà Sáy - bản Co Đũa, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo				53/QĐ-UBND 14/01/2021	12.000	7.000	6.800				6.800			LG NSDP huyện			
3	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay				988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.800				3.800			LG vốn 2085			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					94.900	39.500	39.000				21.000						
1	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay				990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	10.500				3.000			LG vốn 2085			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	
2	Đường Trung tâm xã Tênh Phong (Km1+967) - bản Thẩm Nậm, huyện Tuần Giáo				1491/QĐ-UBND 30/12/2020	14.000	10.100	10.000					7.000			LG vốn NTM
3	Quốc Lộ 279 (Trạm khí tượng) đi trung tâm Pú Túu xã Thanh Xương, huyện Điện Biên				985/QĐ-UBND 31/5/2021	22.000	7.000	6.800					3.000			LG NSDP huyện
4	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà				33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	11.700					8.000			LG NSDP huyện
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022					13.000	13.000	12.800					5.000			
1	NC SC đường nội thị, thảm BT nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông				748/QĐ-UBND 19/5/2021	13.000	13.000	12.800					5.000			
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế															
10.5	Thương mại															
10.6	Cấp thoát nước					14.500	14.500	14.500				400	2.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					14.500	14.500	14.500				400	2.000			
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa				2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	14.500				400	2.000			
10.7	Kho tàng															
10.8	Du lịch					77.142	75.580	26.539				4.000	12.077			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					64.142	62.580	13.639				4.000	9.500			
1	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	TPĐBP		2011-2022	301 06/4/2011; 545/QĐ-UBND 05/7/2018; 568/QĐ-UBND 16/6/2020	64.142	62.580	13.639				4.000	9.500			TT dứt điểm
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					13.000	13.000	12.900					2.577			
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ				3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	12.900					2.577			
10.9	Bưu chính, viễn thông															
10.10	Công nghệ thông tin					22.460	22.460	22.460					12.550			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP					Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					22.460	22.460	22.460				12.550			
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025				3052/QĐ-UBND 25/11/2021	22.460	22.460	22.460				12.550			
10.11	Quy hoạch					9.700	9.700	9.700				500			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					9.700	9.700	9.700				500			
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ					9.700	9.700	9.700			150	500			
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị					97.800	64.840	64.640				11.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					97.800	64.840	64.640				11.000			
1	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)				1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	31.640				5.000			LG Ngân sách huyện
2	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn 1)				3135/QĐ-UBND 29/11/2021	20.000	10.000	10.000				2.000			
3	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa				3140/QĐ-UBND 30/11/2021	25.000	10.000	10.000				2.000			
4	Nghĩa trang nhân dân thị xã Mường Lay (giai đoạn 1)				3142/QĐ-UBND 30/11/2021	13.000	13.000	13.000				2.000			
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX														
11	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN					106.895	84.750	79.420			3.000	36.870			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					14.500	14.500	9.870			3.000	6.870			
1	Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên				310/QĐ-UBND 11/4/2019; 1072/QĐ-UBND 19/10/2020	14.500	14.500	9.870			3.000	6.870			TT dứt điểm
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					27.200	20.300	19.900				12.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
1	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP				629/QĐ-UBND 28/4/2021	9.200	7.700	7.500				4.000			LG NS huyện
2	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ				1103/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200				4.000			LG NS huyện
3	Trụ sở xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ				1102/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200				4.000			LG NS huyện
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					65.195	49.950	49.650				18.000			
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh				1826/QĐ-UBND 07/10/2021	14.950	14.950	14.850				3.000			
2	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên				3071/QĐ-UBND 29/11/2021	12.000	12.000	11.800				4.000			
3	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trung tâm hoạt động TTN Điện Biên				3072/QĐ-UBND 29/11/2021	8.000	8.000	8.000				3.000			
4	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng				1791/QĐ-UBND 01/10/2021	30.245	15.000	15.000				8.000			
12	Ngành/linh vực: Xã hội					9.500	9.500	9.500				2.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					9.500	9.500	9.500				2.000			
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ				2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	9.500				2.000			
13	Vốn Chuẩn bị đầu tư					334.998	225.998	225.998				2.000			
1	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh				2063/QĐ-UBND 15/11/2021	6.000	6.000	6.000				200			
2	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2					146.000	57.000	57.000				200			
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên					20.000	20.000	20.000				200			
4	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa					14.500	14.500	14.500				200			
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông					14.500	14.500	14.500				200			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số vốn NSDP	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
6	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh					28.000	28.000	28.000				200			
7	Duy tu sửa chữa tháp an ten truyền hình cao 125m					1.600	1.600	1.600				200			
8	Dự án Đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí tự động (tại TP Điện Biên Phủ; TT Tuần Giáo; Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên và Sở Tài nguyên và Môi trường)					40.398	20.398	20.398				200			
9	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP					25.000	25.000	25.000				200			
10	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ					39.000	39.000	39.000				200			
III	Vốn xố số kiến thiết					259.060	229.392	141.300			5.411	36.000			
III.1	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp					194.860	165.192	63.987			2.411	16.937			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					12.600	12.600	3.084			2.078	880			
1	Trường Mầm non xã Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa				993/QĐ-UBND 30/10/2018	12.600	12.600	3.084			2.078	880			Bổ trí vốn thiếu sau quyết toán
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					121.810	95.989	4.300			333	3.967			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh				835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	4.300			333	3.967			TT dứt điểm phân vốn XSKT
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					24.000	24.000	24.000				8.000			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông				3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	11.000				3.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quài Tở, huyện Tuần Giáo				2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	10.000				2.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số vốn NSDP	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
3	Xây dựng Nhà thực hành nghề phi nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên				2050/QĐ-UBND 12/11/2021	3.000	3.000	3.000				3.000			
(4)	Chuẩn bị đầu tư					36.450	32.603	32.603				4.090			
1	Trại thí nghiệm thực hành Trường CĐ KTKT Điện Biên					18.450	14.603	14.603				3.748			Bổ trí vốn đền bù GPMB
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường CĐ Sư phạm					8.000	8.000	8.000				142			
3	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề					10.000	10.000	10.000				200			
III.2	Ngành/lĩnh vực: Y tế					64.200	64.200	60.513				15.463			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					4.500	4.500	813				813			
1	Trạm y tế Phình Sáng				1076/QĐ-UBND 29/10/2019	4.500	4.500	813				813			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					38.000	38.000	38.000				14.100			
1	Trạm Y tế Thị trấn Mường Chà				2091/QĐ-UBND 18/11/2021	5.000	5.000	5.000				3.000			
2	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Xa Dung, Pú Hồng, Noong U huyện Điện Biên Đông				3001/QĐ-UBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000				2.000			
3	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Mường Mơn huyện Mường Chà				2092/QĐUBND ngày 19/11/2021	1.900	1.900	1.900				1.900			
4	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Mường Pồn, Pom Lót huyện Điện Biên và xã Nà Nhạn TP. Điện Biên Phủ				3004/QĐUBND ngày 19/11/2021	5.700	5.700	5.700				2.000			
5	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Xá Nhè huyện Tủa Chùa				3002/QĐUBND ngày 19/11/2021	1.900	1.900	1.900				1.900			
6	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các khoa phòng của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và trụ sở làm việc của Sở Y tế				2089/QĐUBND ngày 19/11/2021	12.000	12.000	12.000				2.300			
7	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên				2090/QĐUBND ngày 18/11/2021 - đã trình UBND tỉnh	6.500	6.500	6.500				1.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số vốn NSDP	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
(3)	Chuẩn bị đầu tư					21.700	21.700	21.700				550			
1	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Him Lam TP Điện Biên Phủ					1.500	1.500	1.500				50			
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cây, Ảng Nưa, Mường Đăng, Mường Lạn huyện Mường Ảng					7.600	7.600	7.600				200			
3	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quải Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo					7.600	7.600	7.600				200			
4	Trạm Y tế xã Thanh An, huyện Điện Biên					5.000	5.000	5.000				100			
III.3	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới							16.800			3.000	3.600			

Biểu số 03

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022 - VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số: 396/BC-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó:	
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
	TỔNG SỐ					7.077.360	5.207.909	5.744.503	4.472.736	0	0	725.341	629.306	1.263.500	1.172.376	0	0				
I	NGÀNH/ LĨNH VỰC: QUỐC PHÒNG					80.000	80.000	80.000	80.000	0	0	2.500	2.500	30.000	30.000	0	0				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					80.000	80.000	80.000	80.000	0	0	2.500	2.500	30.000	30.000	0	0				
I	Đường ra biển giới Mường Nhà - Pha Lay - Mốc 130 kết hợp Kê bảo vệ chân Mốc 130, huyện Điện Biên				1260/QĐ-UBND 12/10/2016, 312/QĐ-UBND 31/5/2021	80.000	80.000	80.000	80.000			2.500	2.500	30.000	30.000						
II	NGÀNH/ LĨNH VỰC: AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI																				
III	NGÀNH/ LĨNH VỰC: GIÁO DỤC ĐT VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					91.000	68.000	86.000	68.000	0	0	20.500	18.500	26.000	20.000	0	0				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					46.000	23.000	41.000	23.000	0	0	20.000	18.000	11.000	5.000	0	0				
I	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ				1604/QĐ-UBND 30/10/2017, 1032/QĐ-UBND 24/10/2019, 266/QĐ-UBND 08/3/2021	46.000	23.000	41.000	23.000			20.000	18.000	11.000	5.000			Năm 2022 bố trí dứt điểm NSTW			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					45.000	45.000	45.000	45.000	0	0	500	500	15.000	15.000	0	0				
I	Trường Trung học cơ sở thị trấn Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên				992/QĐ-UBND 31/5/2021	45.000	45.000	45.000	45.000			500	500	15.000	15.000						
IV	NGÀNH/ LĨNH VỰC: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					210.000	210.000	210.000	210.000	0	0	1.300	1.300	20.000	20.000	0	0				
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					210.000	210.000	210.000	210.000	0	0	1.300	1.300	20.000	20.000	0	0				
I	Dự án xây dựng nền tảng công nghệ thành phố thông minh tỉnh Điện Biên				3010/QĐ-UBND 19/11/2021	110.000	110.000	110.000	110.000			700	700	10.000	10.000						
2	Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Điện Biên				3009/QĐ-UBND 19/11/2021	100.000	100.000	100.000	100.000			600	600	10.000	10.000						
V	NGÀNH/ LĨNH VỰC: Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					420.000	410.000	180.000	180.000	0	0	40.000	40.000	80.000	80.000	0	0				

(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					165.000	165.000	85.000	85.000	0	0	40.000	40.000	45.000	45.000	0	0	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Năm Pồ - Giai đoạn II				514/QĐ-UBND 25/6/2018; 964/QĐ-UBND 23/9/2020	165.000	165.000	85.000	85.000			40.000	40.000	45.000	45.000			Năm 2022 bố trí dứt điểm
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					210.000	200.000	50.000	50.000	0	0	0	0	20.000	20.000	0	0	
1	Giai đoạn II - Cải tạo nâng cấp BVĐK tỉnh giai đoạn II (từ 300 lên 500 GB)				1343/QĐ-UBND 9/11/2010; 1114/QĐ-UBND 30/10/2017; 489/QĐ-UBND 27/5/2020; 1206/QĐ-UBND 19/11/2020	210.000	200.000	50.000	50.000					20.000	20.000			Số vốn dự kiến bố trí, sẽ phân bổ chính thức khi được Trung ương phân bổ và dự án đủ điều kiện
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					45.000	45.000	45.000	45.000	0	0	0	0	15.000	15.000	0	0	
1	Xây nhà phục vụ các khoa chuyên môn và TTB của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh					45.000	45.000	45.000	45.000					15.000	15.000			Số dự kiến, sẽ phân bổ khi được trung ương giao vốn chi tiết và dự án đủ điều kiện bố trí vốn
VI	NGÀNH/ LĨNH VỰC: VĂN HÓA, THÔNG TIN					262.644	256.144	235.605	235.605	0	0	0	0	12.000	12.000	0	0	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					112.644	106.144	85.605	85.605	0	0	0	0	10.000	10.000	0	0	
1	Bảo tồn tôn tạo khu trung tâm lễ kháng Him Lam				528/QĐ-UBND 17/5/2006; 754/QĐ/UBND 06/8/2019	112.644	106.144	85.605	85.605					10.000	10.000			Số vốn dự kiến bố trí, sẽ phân bổ chính thức khi được Trung ương phân bổ và dự án đủ điều kiện
(2)	Chuẩn bị đầu tư					150.000	150.000	150.000	150.000	0	0	0	0	2.000	2.000	0	0	
1	Bảo tàng tỉnh Điện Biên					150.000	150.000	150.000	150.000					2.000	2.000			
VII	NGÀNH/ LĨNH VỰC: PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN					100.000	99.800	99.800	99.800	0	0	500	500	10.000	10.000	0	0	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					100.000	99.800	99.800	99.800	0	0	500	500	10.000	10.000	0	0	
1	Xây dựng trụ sở làm việc kết hợp trung tâm kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh truyền hình					100.000	99.800	99.800	99.800			500	500	10.000	10.000			Số dự kiến, sẽ phân bổ khi được trung ương giao vốn chi tiết và dự án đủ điều kiện bố trí vốn
VIII	NGÀNH/ LĨNH VỰC: THỂ DỤC THỂ THAO					195.000	50.000	50.000	50.000	0	0	0	0	1.000	1.000	0	0	
(1)	Chuẩn bị đầu tư					195.000	50.000	50.000	50.000	0	0	0	0	1.000	1.000	0	0	
1	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên					195.000	50.000	50.000	50.000					1.000	1.000			
IX	NGÀNH/ LĨNH VỰC: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG					1.231.028	525.028	1.231.028	525.028	0	0	145.148	145.148	179.953	159.953	0	0	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					981.028	275.028	981.028	275.028	0	0	10.000	10.000	129.953	109.953	0	0	
1	Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Năm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên				1770/QĐ-UBND 30/9/2021	981.028	275.028	981.028	275.028			10.000	10.000	129.953	109.953			Vốn đối ứng ODA
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					250.000	250.000	250.000	250.000	0	0	135.148	135.148	50.000	50.000	0	0	

1	Hồ Huỗi Trạng Tai, huyện Điện Biên			861/QĐ-UBND 28/5/2021	250.000	250.000	250.000	250.000			135.148	135.148	50.000	50.000			
X	NGÀNH/ LĨNH VỰC: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				4.207.188	3.228.437	3.282.070	2.734.303	0	0	475.393	381.358	833.547	768.423	0	0	
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				431.170	404.868	320.678	294.438	0	0	85.320	85.320	85.757	79.857	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				115.810	109.848	45.798	39.898	0	0	10.000	10.000	26.146	20.246	0	0	
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Tin Tộc, xã Mường Lói, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên			933/QĐ-UBND ngày 29/9/2019; QĐ 443 ngày 15/5/2020	39.990	39.928	14.978	14.978			0	0	5.326	5.326			Bổ trí vốn dứt điểm 2022
2	Dự án sắp xếp ổn định dân cư biên giới Việt - Lào, bản Két Tinh, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà			932/QĐ-UBND ngày 29/9/2019	39.860	38.960	14.860	13.960			5.000	5.000	9.860	8.960			Bổ trí vốn dứt điểm 2022
3	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tự do bản Huỗi Cẩn, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé			592/QĐ-UBND ngày 23/6/2020; 604a/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	35.960	30.960	15.960	10.960			5.000	5.000	10.960	5.960			Bổ trí vốn dứt điểm 2022
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				315.360	295.020	274.880	254.540	0	0	75.320	75.320	59.611	59.611	0	0	
1	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo QĐ 2085/QĐ-TTg			1250/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	84.120	73.780	73.435	63.095			27.400	27.400	20.000	20.000			
2	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo QĐ 2086/QĐ-TTg			206/QĐ-UBND ngày 06/3/2020	69.540	59.540	58.745	48.745			28.000	28.000	11.067	11.067			
3	Dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020			1116/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	89.000	89.000	70.000	70.000			11.650	11.650	15.000	15.000			
4	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025			945/QĐ-UBND 28/5/2021	72.700	72.700	72.700	72.700			8.270	8.270	13.544	13.544			
10.2	Công nghiệp										0	0					
10.3	Giao thông				2.750.751	2.430.751	2.496.061	2.176.061	0	0	212.000	212.000	620.724	561.500	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				80.000	80.000	60.000	60.000	0	0	25.000	25.000	35.000	35.000	0	0	
1	Đầu tư xây dựng công trình đường Quảng Lâm - Huỗi Lu - Pá Mý.			956/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 572/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	80.000	80.000	60.000	60.000			25.000	25.000	35.000	35.000			Bổ trí vốn dứt điểm 2022
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				2.019.690	1.699.690	1.785.000	1.465.000	0	0	175.000	175.000	474.224	415.000	0	0	
1	Dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên			984/QĐ-UBND 31/5/2021; 1816/QĐ-UBND 06/10/2021	1.300.000	980.000	1.300.000	980.000			150.000	150.000	359.224	300.000			Theo số BKHĐT thông báo
2	Nâng cấp đường Đông Điện Biên (ĐT.147), huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên			986/QĐ-UBND 31/5/2021	150.000	150.000	150.000	150.000			10.000	10.000	25.000	25.000			
3	Cải tạo, nâng cấp ĐT.143 Noong Bua - Pú Nhi - Noong U - Na Son (Đoạn Nà Nghệ - Pú Nhi - Noong U - Na Son)			774/QĐ-UBND 24/5/2021	260.000	260.000	260.000	260.000			15.000	15.000	50.000	50.000			

4	Đường Chả Nưa - Nậm Dịch - mốc B4, huyện Mường Chà (nay là huyện Nậm Pồ)			516/QĐ-UBND 03/6/2011	178.200	178.200	35.000	35.000					20.000	20.000			Số vốn dự kiến bố trí, sẽ phân bổ chính thức khi được Trung ương phân bổ và dự án đủ điều kiện
5	Đường Huổi Lềng - Ka Di Nhè - Nậm Chua, huyện Mường Chà			233/QĐ-UBND 01/3/2010	131.490	131.490	40.000	40.000					20.000	20.000			Số vốn dự kiến bố trí, sẽ phân bổ chính thức khi được Trung ương phân bổ và dự án đủ điều kiện
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022				566.061	566.061	566.061	566.061	0	0	12.000	12.000	110.500	110.500	0	0	
1	Đường Phi Nhừ - Phình Giăng - Pù Hồng - Mường Nhà tỉnh Điện Biên (Giai đoạn 2)			402/QĐ-UBND 30/3/2016	103.061	103.061	103.061	103.061			3.000	3.000	25.000	25.000			Số vốn dự kiến bố trí, sẽ phân bổ chính thức khi được Trung ương phân bổ và dự án đủ điều kiện
2	Đường Phình Sáng - Mường Giăng (Quỳnh Nhai), huyện Tuần Giáo				120.000	120.000	120.000	120.000			2.000	2.000	25.000	25.000			Số dự kiến, sẽ phân bổ khi được trung ương giao vốn chi tiết và dự án đủ điều kiện bố trí vốn
3	Nâng cấp đường dân sinh Hồng Sọt - Pá Sáng, huyện Mường Ảng			840/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	80.000	80.000	80.000	80.000			1.000	1.000	20.000	20.000			
4	Đường liên huyện Hua Nà - Pá Liêng (xã Ảng Cang, H. Mường Ảng) đi Lọng Khẩu Cầm (xã Mường Phăng, H. Điện Biên).			841/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	80.000	80.000	80.000	80.000			1.000	1.000	20.000	20.000			
5	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sinh Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa			976/QĐ-UBND ngày 30/5/2021	183.000	183.000	183.000	183.000			5.000	5.000	20.500	20.500			
(4)	Chuẩn bị đầu tư				85.000	85.000	85.000	85.000	0	0	0	0	1.000	1.000	0	0	
1	Nâng cấp Đường vào Đồn Biên phòng Thanh Luông 423 đến Mốc 104, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên				85.000	85.000	85.000	85.000					1.000	1.000			
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế				0	0	0	0	0		0	0		0			
10.5	Thương mại																
10.6	Cấp thoát nước				90.000	90.000	50.000	50.000	0	0	20.000	20.000	27.000	27.000	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				90.000	90.000	50.000	50.000	0	0	20.000	20.000	27.000	27.000	0	0	
1	ĐA Nhà máy nước TT huyện Mường Ảng và TT huyện Nậm Pồ			1340/QĐ-UBND 28/10/2016; 357/QĐ-UBND 24/4/2018; 1276/QĐ-UBND 19/7/2021	90.000	90.000	50.000	50.000			20.000	20.000	27.000	27.000			Bỏ trí dứt điểm năm 2022
10.7	Kho tàng																
10.8	Du lịch																
10.9	Bưu chính, viễn thông																
10.10	Công nghệ thông tin				60.000	60.000	60.000	60.000	0	0	300	300	10.000	10.000	0	0	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022				60.000	60.000	60.000	60.000	0	0	300	300	10.000	10.000	0	0	
1	Đầu tư xây dựng Hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng cho hệ thống mạng của các Sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh			3008/QĐ-UBND 19/11/2021	60.000	60.000	60.000	60.000			300	300	10.000	10.000			
10.11	Quy hoạch				53.202	44.700	52.502	44.700	0	0	7.802	0	44.700	44.700	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				53.202	44.700	52.502	44.700	0	0	7.802	0	44.700	44.700	0	0	

[illegible]

Biểu số 04
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022 - VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)
(Kèm theo Báo cáo số: 396 /BC-UBND ngày 03 /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021					Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	TMDT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Trong đó:				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾					Tổng số	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						
							Vốn đối ứng				Quy đổi ra tiền Việt						Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW				Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW								
							Tổng số ⁽²⁾	Trong đó:		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó:		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW																
								NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27				
	Tổng số					1.713.093	405.552	383.146	22.406	-	1.307.541	1.065.783	241.758	1.044.207	344.132	-	700.075	142.669	49.273	-	93.396	224.304	139.784	-	84.520					
A	DỰ ÁN KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC					1.713.093	405.552	383.146	22.406	-	1.307.541	1.065.783	241.758	1.044.207	344.132	-	700.075	142.669	49.273	-	93.396	224.304	139.784	-	84.520					
I	Môi trường					981.028	275.028	275.028	-	-	706.000	506.350	199.650	781.378	275.028	-	506.350	10.000	10.000	-	-	129.953	109.953	-	20.000					
a)	Dự án khởi công mới năm 2022					981.028	275.028	275.028	-	-	706.000	506.350	199.650	781.378	275.028	-	506.350	10.000	10.000	-	-	129.953	109.953	-	20.000					
	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					981.028	275.028	275.028	-	-	706.000	506.350	199.650	781.378	275.028	-	506.350	10.000	10.000	-	-	129.953	109.953	-	20.000					
I	Quản lý đa thiên tại lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên	AFD			170/QĐ-TTg ngày 04/2/2021; 1770/QĐ-UBND 30/9/2021	981.028	275.028	275.028	-	-	706.000	506.350	199.650	781.378	275.028	-	506.350	10.000	10.000	-	-	129.953	109.953	-	20.000	Để đảm bảo điều kiện có đơn rút vốn đầu tiên trong vòng 14 tháng kể từ ngày phê duyệt khoản vay				
II	Các công trình công cộng tại đô thị					732.065	130.524	108.118	22.406	-	601.541	559.433	42.108	262.829	69.104	-	193.725	132.669	39.273	-	93.396	94.351	29.831	-	64.520					
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					732.065	130.524	108.118	22.406	-	601.541	559.433	42.108	262.829	69.104	-	193.725	132.669	39.273	-	93.396	94.351	29.831	-	64.520					
	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					732.065	130.524	108.118	22.406	-	601.541	559.433	42.108	262.829	69.104	-	193.725	132.669	39.273	-	93.396	94.351	29.831	-	64.520					
I	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Điện Biên Phủ	WB	17/7/2014		189/QĐ-TTg ngày 25/01/2014; 370/QĐ-BXD ngày 16/4/2014	732.065	130.524	108.118	22.406	-	601.541	559.433	42.108	262.829	69.104	-	193.725	132.669	39.273	-	93.396	94.351	29.831	-	64.520					